

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 2299/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 27 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH HỆ THỐNG NGHĨA TRANG NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị Quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng quản lý và sử dụng nghĩa trang;

Căn cứ Nghị Quyết số 04/2014/NĐ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 11 về việc Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi quy hoạch

- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (không bao gồm nghĩa trang liệt sỹ);

- Quy hoạch mạng lưới nhà tang lễ.

3. Mục tiêu của quy hoạch

3.1 Mục tiêu tổng quát:

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ và nhân dân trong việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh và thực hiện việc tang lễ;

- Góp phần xây dựng đô thị, nông thôn xanh, sạch, đẹp và phát triển bền vững;

- Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh theo các quy định của nhà nước ban hành.

3.2 Mục tiêu cụ thể

- Từ năm 2015 đến năm 2017 các địa phương tiến hành quy hoạch, hoàn thành quy hoạch và quản lý đất cho hệ thống nghĩa trang nhân dân, tiến tới chấm dứt việc mai táng ngoài quy hoạch;
- Năm 2015, hoàn thành việc lập quy hoạch chi tiết nghĩa trang các đô thị. Năm 2018, hoàn thành việc lập quy hoạch chi tiết các nghĩa trang vùng nông thôn;
- Tiến hành từng bước cải tạo, sắp xếp, điều chỉnh, xây dựng các khu vực nghĩa trang nhân dân đã có trong quy hoạch được duyệt.

4. Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

4.1. Nguyên tắc quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân

a) Các nguyên tắc chung:

- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân cần tuân thủ quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân phải phù hợp với quy mô dân cư.;
- Chấp hành các quy định chung của nhà nước về môi trường, tiêu chí kỹ thuật, phù hợp với cảnh quan và văn hóa phong tục, tập quán truyền thống địa phương;
- Sử dụng hiệu quả quỹ đất của các nghĩa trang tránh tình trạng chiếm dụng, lấn chiếm đất gây lãng phí quỹ đất; đảm bảo tại các nghĩa trang đều có quỹ đất chôn cất cho các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, cô đơn, các đối tượng đặc biệt khác.

b) Các nguyên tắc đối với từng vùng cụ thể

- Đối với vùng đô thị (thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và thị trấn, thị tứ của các huyện):
 - + Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung (1 - 3 nghĩa trang/đô thị tùy theo quy mô diện tích và sự phân bố);
 - + Quy mô nghĩa trang phải đủ để phục vụ cho đô thị và liên vùng, đảm bảo việc chôn cất khi di dời các phần mộ từ các vùng ven đến để lấy quỹ đất cho phát triển đô thị;
 - + Di dời toàn bộ nghĩa trang nhỏ lẻ và các mộ phân tán trong đô thị vào nghĩa trang tập trung;
 - + Đóng cửa các nghĩa trang ven đô, cải tạo thành công viên nghĩa trang;
 - + Đầu tư hạ tầng đồng bộ, từng bước áp dụng công nghệ mai táng hiện đại;
- Đối với các khu vực nông thôn (các xã):
 - + Quy hoạch mới các khu vực nghĩa trang được thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất cấp xã;
 - + Di dời nghĩa trang nhỏ lẻ và các phần mộ phân tán nằm xen kẽ trong đất ở và đất canh tác;
 - + Xây dựng định mức mai táng mang đặc thù riêng của từng vùng, địa phương;
 - + Xây dựng hệ thống nghĩa trang tại các khu đất cao ráo, xa khu dân cư và nguồn nước, ưu tiên sử dụng đất không có khả năng sản xuất nông nghiệp và đất không có tài nguyên khoáng sản.

- Đối với các khu vực miền núi có đồng bào dân tộc thiểu số:
- + Khoang vùng các nghĩa trang tập trung;
- + Thực hiện việc chôn cất đảm bảo vệ sinh môi trường, tôn trọng phong tục tập quán của địa phương.

4.2. Tiêu chí lựa chọn đất nghĩa trang, nhà tang lễ

a) Khoảng cách an toàn về môi trường:

+ Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường (ATVSMT) nhỏ nhất từ nghĩa trang đến đường bao khu dân cư, trường học, bệnh viện, công sở đảm bảo các điều kiện sau:

- Vùng đồng bằng: đối với nghĩa trang hung táng là 1.500 m khi chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải từ mộ hung táng và 500 m khi có hệ thống thu gom và xử lý nước thải từ mộ hung táng; đối với nghĩa trang cát táng là 100 m;

- Vùng trung du, miền núi: đối với nghĩa trang hung táng là 2.000 m khi chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải từ mộ hung táng và 500 m khi có hệ thống thu gom và xử lý nước thải từ mộ hung táng; đối với nghĩa trang cát táng là 100 m;

- Đối với nghĩa trang chôn cất một lần, tối thiểu là 500 m.

b) Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất đến công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung từ nghĩa trang hung táng là 5.000 m, từ nghĩa trang cát táng là 3.000 m.

c) Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ nghĩa trang đến mép nước gần nhất của mép nước các thủy vực lớn là:

- Đối với nghĩa trang hung táng: 500 m;

- Đối với nghĩa trang cát táng: 100 m.

d) Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ nghĩa trang hung táng tới đường giao thông vành đai đô thị, đường sắt là 300 m và phải có cây xanh bao quanh nghĩa trang.

4.3. Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh

Tiến hành di dời 86 nghĩa trang với diện tích 70,96 ha; chỉnh trang 549 nghĩa trang với diện tích 2095,3 ha; mở rộng 134 nghĩa trang với diện tích 312,86 ha; quy hoạch mới 112 nghĩa trang với diện tích 300,53 ha.

(Cụ thể tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

5. Quy hoạch các khu chức năng và tỷ lệ sử dụng đất trong nghĩa trang

5.1. Quy hoạch các khu chức năng trong nghĩa trang:

* Khu vực đô thị:

Khu văn phòng: phòng làm việc, kho, phòng khách, nhà vệ sinh.

Khu nhà lễ tang: hành lang, phòng chờ, nơi tổ chức tang lễ, phòng lạnh, chỗ đặt quan tài, phòng khám liệm.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đường đi, sân, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, thu gom rác.

Khu vực nông thôn: xây dựng khu vực nhà tang lễ đơn giản để đặt quan tài và thực hiện một số thủ tục trước khi chôn cất.

5.2. Tỷ lệ sử dụng đất trong nghĩa trang:

- Diện tích nghĩa trang bao gồm diện tích các loại hình táng (mai táng có cải táng, chôn cất một lần, cát táng, hỏa táng) và diện tích đất giao thông, cây xanh và công trình phụ trợ;

- Tỷ lệ sử dụng đất trong nghĩa trang đô thị:

+ Nghĩa trang hung táng, chôn cất một lần: diện tích chôn cất tối đa 70%, giao thông tối thiểu 10%, cây xanh tối thiểu 15%, công trình phụ trợ tối thiểu 5%.

+ Nghĩa trang cát táng: diện tích chôn cất tối đa 60%, giao thông tối thiểu 10%, cây xanh tối thiểu 25%, công trình phụ trợ tối thiểu 5%.

- Diện tích đất sử dụng cho mỗi mộ (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ):

+ Mộ hung táng hoặc chôn cất một lần: người lớn: $\leq 5 \text{ m}^2/\text{mộ}$, trẻ em: $\leq 3 \text{ m}^2/\text{mộ}$;

+ Mộ cát táng: $\leq 3 \text{ m}^2/\text{mộ}$.

- Thể tích ô để lọ tro hỏa táng tối đa là $0,125 \text{ m}^3/\text{ô}$.

Dự kiến đất quy hoạch nghĩa trang ngoài đảm bảo các yêu cầu trên cần định hướng đủ diện tích đất để xây dựng nghĩa trang theo hướng văn minh, hiện đại (công viên nghĩa trang).

6. Công nghệ mai táng

Thực hiện hình thức chôn cất sử dụng quách hoặc huyệt mộ bê tông khép kín để đảm bảo vệ sinh môi trường. Phân đấu sau năm 2020 sẽ có hình thức hỏa táng.

7. Tổng vốn đầu tư xây dựng

Tập trung thực hiện 27 danh mục dự án ưu tiên, trong đó: từ năm 2014 - 2020 (giai đoạn 1) thực hiện 23 dự án; từ năm 2020 - 2030 (giai đoạn 2) thực hiện 04 dự án. Sau năm 2020 phân đấu hoàn thành dự án xây dựng đài hỏa táng tại thành phố Đông Hà.

Tổng kinh phí 196 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2014 - 2020: 146 tỷ đồng; giai đoạn 2: 50 tỷ đồng.

Cơ cấu vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước chiếm 20%;

- Vốn huy động và xã hội hóa chiếm 80%.

(Cụ thể tại Phụ lục III kèm theo).

Nghĩa trang khu vực nông thôn bố trí vốn đầu tư xây dựng theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

8. Giải pháp thực hiện

8.1. Giải pháp về tuyên truyền:

- UBND các cấp phối hợp với các cơ quan đoàn thể, Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh - Truyền hình đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân nhận thức đúng về tầm quan

trọng của công tác quy hoạch đất nghĩa trang, thông qua đó huy động tối đa nguồn lực của toàn xã hội tham gia thực hiện quy hoạch;

- Khuyến khích nhân dân tham gia cất bốc mồ mã đơn lẻ trong các khu dân cư, trong đất canh tác vào những nghĩa trang đã quy hoạch và tham gia bốc cất mồ mã ở những nghĩa trang cần di dời;
- Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vận động nhân dân chôn cất phù hợp với phong tục tập quán, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Nâng cao nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân trong sử dụng nghĩa trang như đóng các loại phí, lệ phí theo quy định khi có nhu cầu khai thác đất nghĩa trang...

8.2. Giải pháp về sử dụng đất:

- Tập trung công tác khảo sát, thống kê, đánh giá hiện trạng các nghĩa trang để có giải pháp thực hiện tốt công tác quy hoạch, nhất là đối với nghĩa trang cần di dời, chỉnh trang nhằm sử dụng đất nghĩa trang hiệu quả, hợp lý;
- Phân định, cắm mốc ranh giới tất cả các khu vực nghĩa trang (nghĩa trang quy hoạch mới và các nghĩa trang đã có).

8.3. Giải pháp quản lý, vận hành:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất nghĩa trang; thực hiện việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thống kê hiện trạng mộ chí, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, chiếm dụng đất để làm mộ gió, mộ giả, khoanh đất, chiếm đất để mua bán bất hợp pháp;
- Ban hành Quy chế quản lý nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với nghĩa trang;
- Nâng cao vai trò quản lý của các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp xã trong việc quản lý, sử dụng đất tại các nghĩa trang. Lồng ghép các quy định về hạn mức sử dụng đất mai táng, đất cải táng nghĩa trang vào quy ước gia đình văn hóa, làng văn hóa để vận động nhân dân thực hiện mai táng theo đúng quy hoạch;
- Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng đường giao thông, trồng các vành đai cây xanh, hệ thống thoát nước khu nghĩa trang tập trung của huyện. Hướng dẫn và vận động các địa phương đầu tư phương tiện vận chuyển phục vụ việc mai táng. Quy hoạch lại và nâng cấp các tuyến đường vào các nghĩa trang cũ theo quy hoạch thông qua;
- Xây dựng một số mô hình nghĩa trang đạt chuẩn và ưu tiên đầu tư để làm điểm trong toàn tỉnh.

8.4. Giải pháp về nguồn vốn:

a) Tập trung huy động các nguồn vốn, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: bố trí để thực hiện các dự án quy hoạch, điều tra cơ bản, các dự án cải tạo môi trường, cải tạo nghĩa trang cũ, thí điểm công nghệ táng mới, đầu tư nhà tang lễ, các chương trình về truyền thông và giáo dục;
- Vốn ngân sách Trung ương: hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án và lồng ghép vào trong các nguồn vốn khác để đầu tư cơ sở hạ tầng nghĩa trang nhân dân;
- Vốn xã hội hóa: huy động sự tham gia của mọi tổ chức, cá nhân có tham gia vào khai thác và quản lý nghĩa trang theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Vận động các doanh nghiệp

đầu tư xây dựng các nghĩa trang tập trung, các dịch vụ tang lễ đi kèm theo đúng quy hoạch được duyệt. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng nghĩa trang được Nhà nước hỗ trợ, ưu đãi theo Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng quản lý và sử dụng nghĩa trang và được khai thác các nguồn thu từ lệ phí về quản lý và sử dụng đất tại các nghĩa trang.

9. Phân công trách nhiệm

9.1. Sở Xây dựng:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh; chủ trì, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với các ngành và địa phương liên quan trình UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn tỉnh, phân cấp quản lý nghĩa trang; theo dõi và cập nhật các quy định của Chính phủ, Bộ Xây dựng về quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn để tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời;
- Phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, Ban ngành, địa phương có liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ nghĩa trang đối với hệ thống nghĩa trang được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;
- Thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý, xây dựng, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hoạt động quản lý, xây dựng và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;
- Tổng hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, xã tổ chức lập quy hoạch xây dựng nghĩa trang, kế hoạch xây dựng, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang các cấp trên địa bàn tỉnh.
- Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, khai thác sử dụng nghĩa trang và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

9.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường đối với hệ thống nghĩa trang nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh lập phương án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nghĩa trang, quy định vùng hạn chế, vùng cấm khai thác nước ngầm, khai thác khoáng sản theo Quy hoạch tổng thể nghĩa trang nhân dân của tỉnh khi được phê duyệt;
- Hướng dẫn Chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt;
- Phối hợp với Sở Y tế, Phòng Cảnh sát môi trường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường của các nghĩa trang.

9.3. Sở Tài chính:

- Hướng dẫn việc sử dụng vốn ngân sách trong đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng, di chuyển nghĩa trang, chi phí quản lý nghĩa trang, nguồn thu dịch vụ nghĩa trang;
- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt phương án khai thác kinh doanh đối với các nghĩa trang do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng làm cơ sở cho tổ chức, cá nhân quyết định giá dịch vụ nghĩa trang theo khung giá được UBND tỉnh phê duyệt.

9.4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng các chế độ, chính sách xã hội, trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết đối với các đối tượng đặc biệt, đối tượng chính sách trong việc táng khi chết và trình UBND tỉnh ban hành.

9.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, lồng ghép các chương trình dự án, huy động nguồn vốn đề xuất UBND tỉnh đầu tư xây dựng nghĩa trang;
- Trình UBND tỉnh ban hành quy định về xã hội hóa đầu tư xây dựng nghĩa trang, xây dựng danh mục các dự án xây dựng nghĩa trang xã hội hóa, kêu gọi đầu tư.

9.6. Sở Y tế:

Hướng dẫn việc bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, vệ sinh môi trường của nghĩa trang theo quy định của Bộ Y tế.

9.7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí:

Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy định về xây dựng quản lý nghĩa trang, các hình thức táng văn minh, tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường.

9.8. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

UBND các huyện, thành phố, thị xã (cấp huyện) làm chủ đầu tư hoặc giao UBND các xã, phường, thị trấn có đủ năng lực thực hiện các công tác quản lý nghĩa trang gồm:

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang; xây dựng quy chế quản lý và vận hành hệ thống nghĩa trang. Làm chủ đầu tư xây dựng công trình nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
- Lập kế hoạch tổ chức xây dựng, cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và phần mộ riêng lẻ của các nghĩa trang trên địa bàn huyện, thành phố;
- Tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã;
- Phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Thỏa thuận quy chế quản lý nghĩa trang của tổ chức cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang theo phân cấp trên địa bàn và quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý nghĩa trang các cấp;
- Phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang do đơn vị quản lý nghĩa trang cung cấp đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn;
- Thực hiện các chế độ, chính sách xã hội đối với các đối tượng đặc biệt, đối tượng chính sách trong việc táng khi chết theo quy định của UBND tỉnh;
- Báo cáo Sở Xây dựng và UBND tỉnh hàng năm về các nội dung công tác quản lý nghĩa trang.

9.9. UBND xã, phường, thị trấn:

- Quản lý, xây dựng nghĩa trang trên địa bàn, theo sự phân công của UBND cấp huyện. Xây dựng quy chế quản lý và vận hành nghĩa trang được giao quản lý;

- Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng nghĩa trang trên địa bàn mình quản lý theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng và trình UBND cấp huyện phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang do đơn vị quản lý nghĩa trang cung cấp đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn;
- Thỏa thuận quy chế quản lý nghĩa trang cấp IV, nghĩa trang xã do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang trên địa bàn và quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn;
- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý, xây dựng và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn xã, phường, thị trấn gửi UBND huyện, thành phố, thị xã để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng và UBND tỉnh;
- Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng nghĩa trang trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

9.10. Các đơn vị trực tiếp quản lý nghĩa trang:

- Thực hiện quản lý nghĩa trang và tổ chức việc lập lưu trữ hồ sơ nghĩa trang theo đúng nội dung quy định tại Điều 17, Điều 18 của Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính Phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;
- Quản lý nghĩa trang theo Quy chế được duyệt;
- Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang cho người sử dụng, bảo đảm chất lượng dịch vụ theo quy định;
- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC I

SỐ LƯỢNG CÁC KHU VỰC NGHĨA TRANG DI DỜI, CHỈNH TRANG, MỞ RỘNG VÀ
QUY HOẠCH MỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Địa phương	Di dời (khu vực)	Chỉnh trang (khu vực)	Mở rộng (khu vực)	Quy hoạch mới (khu vực)
1	Thành phố Đông Hà	34	19	2	-
2	Thị xã Quảng Trị	-	15	1	1
3	Huyện Vĩnh Linh	7	124	16	17
4	Huyện Gio Linh	2	91	23	16
5	Huyện Hải Lăng	10	79	25	22
6	Huyện Triệu Phong	16	137	39	22
7	Huyện Cam Lộ	4	58	3	15
8	Huyện Đakrông	13	13	15	13
9	Huyện Hướng Hóa	-	13	10	6
	Tổng cộng	86	549	134	112

PHỤ LỤC II

DIỆN TÍCH CÁC NGHĨA TRANG DI DỜI, CHỈNH TRANG, MỞ RỘNG VÀ QUY HOẠCH MỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Địa phương	Di dời (diện tích ha)	Chỉnh (diện tích ha)	Mở rộng (diện tích ha)	Quy hoạch mới (diện tích ha)
1	Thành phố Đông Hà	28,01	194,12	70,0	-
2	Thị xã Quảng Trị	-	46,50	1,50	0,97
3	Huyện Vĩnh Linh	6,06	247,44	32,60	24,90
4	Huyện Gio Linh	0,40	323,69	32,75	39,00
5	Huyện Hải Lăng	3,87	485,4	79,77	86,78
6	Huyện Triệu Phong	22,90	487,16	37,51	44,50
7	Huyện Cam Lộ	7,65	223,04	22,30	74,38
8	Huyện Đakrông	2,07	12,47	15,23	19,20
9	Huyện Hướng Hóa	-	31,92	21,20	10,80
	Tổng số diện tích	70,96	2.095,3	312,86	300,53

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Phạm vi phục vụ	Nhu cầu nguồn	Nguồn vốn dự kiến
-------	-----------	--------------------	-----------------	---------------	-------------------

				vốn (tỷ đồng)	
A	Dự án quy hoạch, tuyên truyền (thực hiện giai đoạn 2013 - 2020)			23	
1	Quy hoạch chi tiết nghĩa trang nhân dân tại các địa phương	Các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố	15	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách các địa phương
2	Cắm mốc lô giới khu vực nghĩa trang nhân dân cần đóng cửa, di dời	Các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố	5	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách các địa phương
3	Tuyên truyền, vận động nhân dân về công nghệ táng văn minh, hiện đại (hỏa táng, công viên nghĩa trang) và quyền lợi, nghĩa vụ trong việc sử dụng đất nghĩa trang	Thành phố, thị xã, thị trấn	Toàn tỉnh	3	Ngân sách địa phương
B	Các dự án đầu tư xây dựng			173	
I	Giai đoạn 2013 - 2020			123	
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà tại phường 4 (20 ha)	Đường Quốc lộ 9, giáp nghĩa trang liệt sĩ Đường 9	Toàn thành phố Đông Hà	7	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà tại phường Đông Lương (70 ha)	Đường 9D, tiếp giáp các phường 3, Đông Lễ, Đông Lương, thành phố Đông Hà	Toàn thành phố Đông Hà	9	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
3	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung tại khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị (0,97 ha)	Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	Khu phố 1, 2 phường An Đôn	3	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
4	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Hải Lăng tại khóm 2 (5,882 ha)	Khóm 2 - thị trấn Hải Lăng - huyện Hải Lăng	Toàn bộ thị trấn Hải Lăng	9	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
5	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tập trung của thị trấn Hồ Xá, xã	Địa giới xã Vĩnh Tú và xã Vĩnh Nam (4,8ha)	Thị trấn Hồ Xá, xã Vĩnh Tú và xã	5	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn

	Vĩnh Tú và xã Vĩnh Nam (4,8 ha)		Vĩnh Nam		vốn khác
6	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung tại khu phố Hòa Lý, thị trấn Cửa Tùng (4 ha)	Khu phố Hòa Lý - Thị trấn Cửa Tùng - Vĩnh Linh	Thị trấn Cửa Tùng	7	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
7	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tại khóm 7, thị trấn Bến Quan (2 ha)	Khóm 7 - thị trấn Bến Quan - Vĩnh Linh	Thị trấn Bến Quan	4	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
8	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Gio Linh tại khu phố 6 (20 ha)	Khu phố 6, thị trấn Gio Linh	Thị trấn Gio Linh	15	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
9	Đầu tư nghĩa trang nhân dân thị trấn Cửa Việt	Thị trấn Cửa Việt	Thị trấn Cửa Việt	5	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
10	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tại khu phố Nghĩa Hy, thị trấn Cam Lộ (22 ha)	Khu phố Nghĩa Hy, thị trấn Cam Lộ	Thị trấn Cam Lộ	15	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
11	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tại khóm 1, thị trấn Krông Klang (4,5 ha)	Khóm 1, thị trấn Krông Klang	Thị trấn KrôngKlang	6	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
12	Mở rộng nghĩa trang nhân dân khóm A Rông (1,05 ha) và thôn Phú Thiêng, thị trấn Krông Klang (0,4 ha)	Thị trấn KrôngKlang	Khóm Arông, khóm Phú Thiêng	3	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
13	Mở rộng nghĩa trang nhân dân các khóm 1, 2, 7 tại khóm 7, thị trấn Khe Sanh (7 ha)	Khóm 7, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Thị trấn Khe Sanh	5	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
14	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại khóm 3A, thị trấn Khe Sanh (2ha)	Khóm 3A, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Khóm 3A, thị trấn Khe Sanh	3	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
15	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại khóm 4, thị trấn Khe Sanh (1,5 ha)	Khóm 4, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Khóm 4, thị trấn Khe Sanh	4	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác

16	Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại Tây Chín, thị trấn Lao Bảo (2 ha)	Khóm Tây Chín, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa	Khóm Tây Chín, thị trấn Lao Bảo	5	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
17	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (5 ha)	Phía Bắc Quốc lộ 9, cách nghĩa trang cũ 1 km về phía Đông Bắc thị trấn Lao Bảo - huyện Hướng Hóa	Toàn bộ thị trấn Lao Bảo	7	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
18	Xây dựng nhà tang lễ cho TP Đông Hà	Nghĩa trang nhân dân phường Đông Lương	TP Đông Hà	5	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
19	Mở rộng nghĩa trang nhân dân khu vực 3, tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử (0,4 ha)	Tiểu khu 1	Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử	3	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
20	Mở rộng nghĩa trang nhân dân khu vực 1, tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử (0,3 ha)	Tiểu khu 3	Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử	3	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
I	Giai đoạn sau năm 2020			50	
1	Xây dựng đài hỏa táng cho TP Đông Hà	Thành phố Đông Hà	Toàn tỉnh Quảng Trị	6	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
2	Hỗ trợ di dời các khu mộ nhỏ lẻ trong khu dân cư vào các nghĩa trang tập trung	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	4	Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác
3	Cải tạo, nâng cấp đường vào nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị (8 km)	Thôn Phước Môn, xã Hải Lệ	Phường 1, 2, 3 và thôn Phước Môn, xã Hải Lệ	20	Ngân sách nhà nước
4	Nâng cấp đường vào nghĩa trang nhân dân đôi Ba Gò (9 km)	Thôn Liên Phong, xã Triệu Ái	Thị trấn Ái Tử, xã Triệu Ái	20	Ngân sách nhà nước
	Tổng mức đầu tư (A + B)			196	

